

Số: 14514/TTTr-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về báo cáo đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021; Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2021; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai 2021 (đợt 1) (sau đây gọi chung là dự toán điều chỉnh);

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày /11/2021 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xây dựng dự toán năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế của tỉnh chịu nhiều tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Với mục tiêu vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá, tăng trưởng kinh tế để tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Song song đó là tăng cường công tác bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước. Đồng thời thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Quan điểm chỉ đạo

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan cùng các Sở, ngành và các huyện, thành phố phối hợp thực hiện xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2022 dựa trên báo cáo đánh giá tình hình ước thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2021. Sở Tài chính đã làm việc, tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, chi ngân sách địa phương (NSDP), phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2022.

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 4 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 5 năm 2021-2025

nên có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

Nhiệm vụ NSNN năm 2021 được triển khai thực hiện trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, cả nước và nhiều quốc gia trên thế giới. Kinh tế, thương mại toàn cầu có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa vững chắc; tiềm ẩn rủi ro về giá cả, lạm phát, tài chính, ảnh hưởng đến triển vọng đầu tư, sản xuất và xuất nhập khẩu. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội ổn định, kinh tế phát triển và hội nhập sâu rộng. Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh và cả nước vẫn phải đối mặt nhiều khó khăn, thách thức nhất là tác động nặng nề của đại dịch covid-19; một số tồn tại, hạn chế còn chậm được khắc phục, nhiều vấn đề về xã hội, môi trường ... đòi hỏi sớm phải được xử lý và giải quyết.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của HĐND, cùng với sự phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, sự đoàn kết, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân; sau các đợt bùng phát, đến nay tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, số lượng người dân tiêm vacxin được phủ rộng trên địa các huyện và thành phố, phường xã và thị trấn, nên việc lây lan tuy có tăng nhưng tình hình sức khỏe và tính mạng của người dân vẫn được an toàn và đảm bảo, cuộc sống người dân bắt đầu thay đổi và thích nghi dần với tình hình mới. Doanh nghiệp từng bước đi vào hoạt động, sản xuất kinh doanh từng bước phục hồi và ổn định, nền kinh tế được đảm bảo dẫn đến tình hình thu ngân sách trong nước có phần chuyển biến tích cực.

Trên cơ sở tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ NSNN trong 10 tháng đã qua, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Kết quả ước thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2021

1. Thu ngân sách nhà nước

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 62.366.787 triệu đồng.

Đạt 132% dự toán giao đầu năm và tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020 (55.745.668 triệu đồng).

Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 44.766.787 triệu đồng.

Đạt 132% dự toán giao đầu năm và tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020 (41.842.137 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.600.000 triệu đồng.

Đạt 133% dự toán giao đầu năm và tăng 27% so với cùng kỳ năm 2020 (13.903.531 triệu đồng).

Nhìn chung về tổng thể thu ngân sách năm 2021 đạt và vượt khá cao so với dự toán HĐND tỉnh giao.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Đánh giá tình hình thu ngân sách năm 2021

2.1 Thu nội địa

*** Thuận lợi**

Dưới sự chỉ đạo giám sát sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành tài chính tích cực thực hiện việc khai thác nguồn thu, cụ thể như sau:

- Toàn ngành thuế đã tích cực rà soát, khai thác các nguồn thu từ số phát sinh của quý 4/2020; tập trung rà soát, đôn đốc các doanh nghiệp triển khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và thuế tài nguyên sau khi quyết toán thuế; Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp hoạt động từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản có phát sinh lớn doanh thu do việc thực hiện mua bán các dự án tập trung tại khu vực sân bay Quốc tế Long Thành, một số khác phát sinh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn nên đã góp phần làm tăng số thu cho ngân sách.

Ngoài ra, việc triển khai và phối hợp tốt giữa các ngành trong công tác quản lý và xác định về giá đất để kịp thời thông báo cho đơn vị nộp vào ngân sách qua đó cũng góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách.

Đồng thời, việc thực hiện theo Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014 về thu tiền sử dụng đất. Trong đó, quy định từ ngày 01/03/2021 các hộ gia đình, cá nhân còn nợ tiền sử dụng đất mà chưa thanh toán sẽ phải thanh toán số tiền còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm trả nợ. Chính vì vậy trong những tháng đầu năm số thu nợ tiền sử dụng đất trên địa bàn cũng phát sinh nhiều qua đó góp phần làm tăng thu cho ngân sách.

Trong những tháng cuối năm 2020 và đầu năm 2021 do tình hình dịch bệnh chưa bùng phát mạnh trên địa bàn dẫn đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có dấu hiệu khởi sắc, dẫn đến số tạm nộp thuế thu nhập

doanh nghiệp tăng cao. Bên cạnh đó, từ sau tháng 10 khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và xã hội chuyển sang trạng thái bình thường mới thì ngành thuế cũng đã chủ động tăng cường hoàn thành các hồ sơ thanh kiểm tra đang dở trong năm do phải thực hiện giãn cách xã hội, qua đó tích cực đơn đốc các Doanh nghiệp căn cứ vào số thuế TNDN phát sinh năm 2020 chủ động thực hiện tạm nộp 75% thuế TNDN năm 2021 và quyết liệt trong công tác thu hồi những khoản nợ thuế được gia hạn đến hạn nộp trong đợt dịch vừa qua, với mục tiêu phấn đấu hoàn thành dự toán được giao ở mức cao nhất.

Riêng đối với cấp huyện các Chi cục thuế đã phối hợp tốt với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh trong việc luân chuyển hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất và trả nợ nghĩa vụ tài chính; Phối hợp với Đài Truyền thanh, phòng văn hóa thông tin tổ chức tuyên truyền trên các chính sách thuế, thời gian nộp hồ sơ khai thuế. Qua đó, công tác thu cũng đã được nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả của các bộ phận giao dịch “một cửa”, tổ chức tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính nhờ đó đã tạo điều kiện thuận lợi về thời gian cho người nộp thuế.

Công tác về thủ tục cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh và hiệu quả, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện tốt các nghĩa vụ về thuế, đẩy mạnh việc dùng hoá đơn điện tử nhằm giảm thời gian đi lại, tụ tập đông người góp phần hạn chế lây lan, tiến tới đẩy lùi dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn; Tập trung giải quyết hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế đúng thời hạn quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xoay vòng nguồn vốn, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh; Bên cạnh đó, tạo mọi điều kiện tốt cho việc đăng ký thành lập mới doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Thành lập tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình dịch bệnh bùng phát, làm cầu nối để doanh nghiệp và người lao động tiếp cận tốt các gói hỗ trợ của Chính phủ.

- Việc tiếp thu và ghi nhận giảm kế hoạch giao dự toán năm 2021 từ Bộ Tài chính đã góp phần làm giảm áp lực cho tỉnh trong công tác lập và phân bổ dự toán từ cấp tỉnh cho đến cấp huyện.

Đối với ngành Hải quan:

Được sự quan tâm chỉ đạo toàn diện sâu sát, kịp thời của Lãnh đạo Tổng cục Hải quan, Lãnh đạo Tỉnh Ủy, UBND tỉnh. Được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các Vụ, Cục chuyên môn của Tổng Cục Hải quan.

- Triển khai mạnh mẽ, toàn diện công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường tiếp xúc doanh nghiệp bằng các phương pháp linh hoạt để thu hút và ổn định nguồn thu. Triển khai thủ tục hải quan điện tử đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác chặt chẽ từ phía cộng đồng doanh nghiệp.

- Việc phối hợp thu NSNN với các ngân hàng thương mại, với Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách.

- Nhiều văn bản chính sách pháp luật liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về Hải quan được ban hành kịp thời tháo gỡ nhiều vướng mắc, bất cập, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực hải quan. Cụ thể là: Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 của Chính phủ; Thông tư 17/2021/TT-BTC ngày 26/02/2021 của Bộ Tài chính và nhiều văn bản vướng mắc khác đã được các bộ, ban ngành kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

*** Khó khăn**

- Do sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 vào tháng 05/2021 giữa các vùng lân cận như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển dần sang trong tỉnh nên đã ảnh hưởng đến khả năng huy động nguồn thu vào ngân sách do việc sản xuất kinh doanh từ các lĩnh vực như dịch vụ, ăn uống, du lịch,... bị đình trệ và phải tạm thời đóng cửa không hoạt động để thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội phòng, chống dịch được triển khai xuyên suốt từ tháng 7 đến tháng 9 nên đã ảnh hưởng phần nào đến kết quả thu ngân sách của tỉnh trong quý III/2021. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 cũng diễn biến phức tạp ở nhiều quốc gia trên thế giới nên ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như kế hoạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Từ đó, dẫn đến kế hoạch kim ngạch xuất nhập khẩu của một số mặt hàng trọng yếu giảm mạnh như: nguyên phụ liệu thuốc lá, sữa và sản phẩm sữa, thức ăn gia súc và nguyên liệu...

- Việc thực hiện các chính sách theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; Quyết

định số 27/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trong năm 2021 cũng đã tác động làm ảnh hưởng đến số thu ngân sách.

- Địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai không có cửa khẩu, không có sân bay quốc tế, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là miễn thuế: Hàng nhập sản xuất xuất khẩu, gia công và doanh nghiệp chế xuất. Nguồn thu chủ yếu từ các dự án đầu tư mới, doanh nghiệp mở rộng sản xuất, các hoạt động sản xuất ổn định của các doanh nghiệp sản xuất nên số thu không có đột biến.

- Kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng trọng yếu làm giảm số thu thuế năm 2021 giảm như: nguyên phụ liệu thuốc lá, sữa và sản phẩm sữa, thức ăn gia súc và nguyên liệu...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định cam kết quốc tế WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu năm 2021.

- Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp cả trong nước và nhiều quốc gia trên thế giới ảnh hưởng lớn đến kế hoạch kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp không thể xây dựng được kế hoạch kinh doanh dài hạn để chủ động trong phát triển nguồn vốn và nhân lực. Do đó cơ quan hải quan cũng bị hạn chế để đánh giá tiềm lực phát triển của doanh nghiệp làm cơ sở xây dựng các chỉ tiêu dự ước và dự toán của đơn vị.

2. Chi ngân sách địa phương

* Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 22.733.675 triệu đồng.
Bằng 97% dự toán giao đầu năm, tăng 04% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 8.159.580 triệu đồng.
Bằng 90% dự toán giao đầu năm, tăng 11% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 13.861.167 triệu đồng.
Đạt 100% dự toán giao đầu năm và tăng 04% so với dự toán cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 550.000 triệu đồng.

* Ước thực hiện chi đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương: 4.647.585 triệu đồng đạt 90% dự toán giao đầu năm.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

a) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển

- Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2021 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng. Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021; đồng thời cũng chủ trì làm việc với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị chủ đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Thực hiện thẩm định chủ trương đầu tư kịp thời và thẩm định các dự án đầu tư để hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

* Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn sau:

- Một số công trình bố trí vốn khởi công mới và bổ sung vào cuối năm 2020, đến nay chậm hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và hoàn thiện hồ sơ để tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công nên vẫn chưa giải ngân được vốn kế hoạch.

- Một số công trình chủ đầu tư đã ký kết hợp đồng cuối năm 2020, do áp lực giải ngân kế hoạch năm 2020 nên chủ đầu tư đã tạm ứng hợp đồng khá lớn (30%, 40%). Các tháng đầu năm 2021, công trình tiếp tục triển khai thi công có khối lượng hoàn thành thanh toán theo chế độ thu hồi tạm ứng hợp đồng thuộc kế hoạch của năm 2020 nên chưa thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2021.

- Do các địa phương tập trung thực hiện nhiệm vụ bầu cử HĐND các cấp cho nhiệm kỳ mới nên chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo giải ngân dự án, chỉ đạo thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án vốn tỉnh có phần giải phóng mặt bằng thuộc địa phương mình. Vì vậy, địa phương chưa thực hiện đúng cam kết về bồi thường giải phóng mặt bằng dự án. Việc này cũng ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện và giải ngân dự án kế hoạch năm 2021.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giãn cách xã hội nên chưa công tác bồi thường cũng chưa được triển khai kịp thời như tổ chức hội họp, công bố, niêm yết, công khai, công tác đối thoại, vận động người dân cũng gặp nhiều khó khăn; Công tác thi công công trình đều tạm dừng thi công, một số

công trình tổ chức thi công được nhưng khó khăn trong việc vận chuyển vật liệu, vật tư, nhập khẩu máy móc thiết bị, điều động nhân công. Do đó các công trình này chỉ thi công cầm chừng đã làm ảnh hưởng đến tiến độ, không có khối lượng thanh toán dẫn đến tỷ lệ giải ngân đạt rất thấp.

- Bên cạnh đó, do tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19 nên nhiều dự án không thể đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân do phải hạn chế di chuyển, tạm ngưng thi công để thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch. Ngoài ra, công tác quy hoạch sử dụng đất cho giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn các huyện và thành phố chậm được phê duyệt ảnh hưởng đến tiến độ lập hồ sơ trình thẩm định phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện dự án; và một số dự án chậm triển khai thi công do còn vướng một số hộ dân khiếu nại chưa bàn giao mặt bằng nên cũng đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của kế hoạch vốn.

b) Đánh giá tình hình chi thường xuyên

Về chi thường xuyên trong năm 2021 về cơ bản đảm bảo trong dự toán được giao, đáp ứng đủ và kịp thời kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện chi lương, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách an sinh xã hội, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức mà tỉnh đã ban hành, các cấp ngân sách vẫn đảm bảo cân đối được nguồn tồn quỹ trong việc điều hành và quản lý ngân sách.

Các lĩnh vực chi được ước tính trên cơ sở theo nhu cầu thực tế của từng ngành, từng địa phương phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 5.405.000 triệu đồng đạt 99% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí hỗ trợ miễn giảm cho học sinh học nghề theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, kinh phí Đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện, kinh phí tập huấn, chế độ bồi dưỡng cho giáo viên, vận động viên, huấn luyện viên, kinh phí thực hiện đề án sửa học đường,...

- Chi sự nghiệp y tế: 1.224.000 triệu đồng đạt 100% so với dự toán đầu năm. Cơ bản đảm bảo kinh phí thực hiện tốt công tác như: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống HIV/AIDS, Kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trợ cấp, hỗ trợ nhân viên ngành y tế,...

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 50.000 triệu đồng đạt 44% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình khoa học và công nghệ. Tuy nhiên việc thực hiện các nhiệm vụ chi trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã tác động đến tình hình thực hiện và bên cạnh đó một số dự án vẫn chưa được triển khai thực hiện nên tiến độ giải ngân đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi lĩnh vực văn hóa thông tin: 154.000 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi cho các ngày lễ lớn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Kinh phí Sửa chữa, cải tạo các hạng mục tại di tích Khu ủy miền Đông Nam bộ,...

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 1.400.000 triệu đồng đạt 138% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP, kinh phí cho vay hộ cận nghèo và cho vay hỗ trợ tạo việc làm; Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu hệ thống trợ giúp xã hội; Kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp khu chăm sóc người già, người khuyết tật và người lang thang của Trung tâm Công tác xã hội (VPS),...

- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.395.000 triệu đồng đạt 80% so với dự toán đầu năm. Trong sự nghiệp kinh tế, tỉnh đã tập trung đảm bảo các nhiệm vụ chi phát triển nông nghiệp nông thôn, chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; kinh phí thực hiện dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm; kinh phí đầu tư các thiết bị an toàn giao thông khắc phục điểm đen; Kinh phí thực hiện nạo vét khơi thông dòng chảy lòng suối, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh huyện, kinh phí thực hiện các dự án của sự nghiệp đất đai - tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản,....

- Chi sự nghiệp môi trường: 648.000 triệu đồng, đạt 80% dự toán đầu năm. Trong đó chủ yếu thực hiện nhiệm vụ các dự án, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, kinh phí xử lý rác,....

- Chi quản lý hành chính: 2.300.000 triệu đồng đạt 107% dự toán đầu năm. Trong đó cơ bản đảm bảo đủ để thực hiện chi lương mức tiền lương tối thiểu, đảm bảo định mức chi hoạt động cho các đối tượng là cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách, trưởng các đoàn thể theo Nghị quyết số 78/2017/NQ-

HĐND ngày 7/7/2017 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh,...

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách địa phương năm 2021 vẫn đảm bảo các nhiệm vụ chi về chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách và người lao động. Trong quá trình điều hành ngân sách vẫn còn một số sự nghiệp chi có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao nguyên nhân chủ yếu là do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cũng gặp khó khăn và không thể triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch. Ngoài ra, trong việc thực hiện dự toán chi thường xuyên thì dự toán chi cho các đơn vị cũng phải chủ động thực hiện tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định; và đồng thời tiếp tục cắt giảm, tiết kiệm các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm theo Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính để thực hiện cho phòng chống dịch bệnh Covid-19,... Riêng nội dung này, trên tinh thần chấp thuận của HĐND tỉnh tại Văn bản số 467/HĐND-VP ngày 27/8/2021 về sử dụng số cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên 6 tháng cuối năm, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh tại kỳ họp để bổ sung dự phòng ngân sách thực hiện chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

c) Ước chi dự phòng ngân sách: 550.000 triệu đồng (về nội dung chi từ nguồn dự phòng UBND tỉnh sẽ có báo cáo riêng).

3. Điều hành ngân sách năm 2021

- UBND tỉnh thường xuyên giám sát và theo dõi để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, theo dõi chỉ đạo ngành Tài chính, Thuế, chính quyền địa phương các cấp tích cực khai thác nguồn thu để đảm bảo nhiệm vụ chi của địa phương, hạn chế hỗ trợ, bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách bám sát dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm, tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí.

- Sở Tài chính thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách để theo dõi bám sát số thu vào ngân sách và tốc độ tăng giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao; định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu chi hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, để từ đó đã chủ động rà soát các nhiệm vụ chi, chính sách phát sinh trong năm để tổng hợp tham mưu trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự toán trong các kỳ họp bất thường, giữa năm và cuối năm.

Tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn trong trường hợp ngân sách địa phương giảm thu so với Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành. Xử lý nguồn và trình các phương án bù hụt thu, điều chỉnh các nhiệm vụ chi không còn thực hiện hoặc chưa triển khai thực hiện để phân bổ cho các nhiệm vụ có nhu cầu cấp thiết phát sinh. Cân đối các nguồn lực tài chính để thực hiện tạm ứng cho các đơn vị chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19, chi hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 của Chính phủ.

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án xây dựng phân cấp nguồn thu, xây dựng tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu năm 2022, giai đoạn 2022-2025; xây dựng định mức chi thường xuyên năm 2022, giai đoạn 2022-2025.

- Các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm túc việc tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ đầu năm để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình tăng lương của Chính phủ; thực hiện cắt giảm, tiết kiệm các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm theo Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính để thực hiện cho phòng chống dịch bệnh Covid-19.

D. BỐ CỤC NỘI DUNG DỰ THẢO

*** Xây dựng dự toán ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022**

1. Dự báo tình hình kinh tế

Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, là năm thứ hai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh. Dự báo kinh tế thế giới trong năm 2022 tiếp tục chịu tác động của đại dịch Covid-19, làm suy giảm dòng vốn đầu tư, thương mại, nguồn nhân lực, các kết nối cung ứng và ảnh hưởng lớn đến tâm lý người tiêu dùng. Sự phục hồi tăng trưởng phụ thuộc rất lớn vào quá trình kiểm soát đại dịch. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và các dịch bệnh khác cũng đe dọa sự phục hồi của nhiều nền kinh tế trong nước nói chung và của tỉnh Đồng Nai nói riêng. Với dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước, cùng các yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xác định mục tiêu NSNN năm 2022 là: thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của người dân, cùng với sự tập trung tận dụng tốt cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với các giải pháp kích thích nền kinh tế, hỗ trợ và tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Phát huy giá trị văn

hóa, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo; tích cực chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội bảo vệ môi trường, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; giữ vững ổn định chính trị-xã hội, bảo đảm, vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Đồng Nai phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội; là trung tâm công nghiệp và dịch vụ cảng hàng không, cảng nước sâu, cửa ngõ giao thương quốc tế; một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các Doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp có vốn nhà nước tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

UBND tỉnh xây dựng dự toán năm 2022 nhằm thực hiện mục tiêu: Tiếp tục phát huy lợi thế, duy trì nhịp độ phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước. Đồng thời thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ tiêu dự toán Chính phủ giao:

Năm 2022 Chính phủ giao dự toán cho Đồng Nai như sau:

a) Tổng thu NSNN: 55.241.000 triệu đồng.

Tăng 17% so với dự toán năm 2021 và bằng 89% so với ước thực hiện 2021.

Bao gồm:

- Thu nội địa: 38.741.000 triệu đồng.

Tăng 14% so với dự toán năm 2021 và bằng 87% so với ước thực hiện 2021.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 16.500.000 triệu đồng.

Tăng 25% so với dự toán năm 2021 và bằng 94% so với ước thực hiện 2021.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 22.425.037 triệu đồng.

b.1) Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 21.246.159 triệu đồng.

Bằng 90%% so với dự toán năm 2021 và bằng 93% so với ước thực hiện 2021. Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 7.335.100 triệu đồng.

Bằng 81% so với dự toán năm 2021 và bằng 90% so với ước thực hiện 2021, Trong đó:

+ Chi nguồn ngân sách tập trung 3.235.100 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất 2.500.000 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.600.000 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 13.483.004 triệu đồng.

Bằng 97% dự toán năm 2021 và bằng 97% so với ước thực hiện 2021.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 5.467.592 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 117.138 triệu đồng.

- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 425.145 triệu đồng.

b.2) Chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Ngân sách Trung ương: 1.178.878 triệu đồng.

3. Nguyên tắc phân bổ dự toán năm 2022:

3.1 Về thu NSNN trên địa bàn:

- Dự toán thu ngân sách trong cân đối bằng chỉ tiêu pháp lệnh của Chính phủ giao (cả thu nội địa và thu xuất nhập khẩu).

- Dự toán thu nội địa giao nhiệm vụ cho các huyện, thành phố theo đúng phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, dựa trên kết quả thu ngân sách năm 2021, các chính sách làm giảm thu và khả năng khai thác nguồn thu của từng địa phương để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu.

3.2. Về thu ngân sách địa phương:

- Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; giữa ngân sách địa phương và ngân sách cấp huyện, xã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Dự toán thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu, nguồn chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương được bố trí vốn theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ Chính phủ giao.

- Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất đối với các dự án bán đấu giá được sử dụng để phân bổ cho khối tỉnh để thực hiện các dự án cấp thiết trên địa bàn.

- Nguồn thu kết dư để phân bổ cho chi đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh.

3.2 Về chi ngân sách địa phương:

a) Phân bổ chi đầu tư phát triển:

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công. Phân bổ vốn ưu tiên hoàn trả các khoản vay, tạm ứng đến hạn trả. Bố trí vốn phải đảm bảo cơ cấu tối thiểu của ngành giáo dục và đào tạo và khoa học công nghệ theo quy định của Trung ương.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

+ Đối với nguồn thu giao cho khối huyện thực hiện phân chia theo tỷ lệ điều tiết trình HĐND tỉnh dự kiến thông qua tại kỳ họp. Trong đó ngân sách tỉnh được hưởng 40% và ngân sách cấp huyện hưởng 60%. Đối với ngân sách cấp huyện chỉ thực hiện bố trí dự án khi có số thực thu nguồn này vào ngân sách.

+ Đối với nguồn thu từ các dự án đấu giá quyền sử dụng đất trúng đấu giá từ các năm trước được thực hiện phân bổ theo quy định của Luật đầu tư công và kế hoạch đầu tư công được trình HĐND tỉnh tại kỳ họp.

b) Phân bổ dự toán chi thường xuyên:

+ Phân bổ dự toán cho các đơn vị cấp huyện và cấp tỉnh theo đúng tiêu chí và định mức phân bổ trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp áp dụng cho chu kỳ ngân sách giai đoạn 2022-2025.

+ Dành nguồn dự phòng tại các sự nghiệp để thực hiện các chính sách chế độ mới phát sinh trong năm theo các quy định của trung ương ban hành, các Nghị quyết của HĐND tỉnh dự kiến thông qua tại các kỳ họp và những phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Lập quỹ dự trữ tài chính: Bằng chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Dự phòng ngân sách: theo đúng quy định của Luật ngân sách, xây dựng bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Chính phủ giao.

4. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2022:

Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 55.241.000 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Thu nội địa: 38.741.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 2.500.000 triệu đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: 1.600.000 triệu đồng.

b) Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 16.500.000 triệu đồng.

5. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022: 23.556.345 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 21.257.259 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 1.178.878 triệu đồng.

- Vượt thu tiền sử dụng đất: 1.100.000 triệu đồng.

- Thu kết dư: 20.208 triệu đồng.

6. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 23.556.345 triệu đồng.

6.1 Dự toán chi trong cân đối: 22.518.433 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Dự toán chi đầu tư phát triển: 8.543.308 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi XD CB nguồn vốn tập trung: 3.255.308 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.578.000 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.600.000 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển khác: 110.000 triệu đồng.

b) Dự toán chi thường xuyên: 13.501.015 triệu đồng.

c) Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

d) Dự phòng ngân sách: 471.200 triệu đồng.

6.2. Dự toán chi đầu tư từ nguồn bổ sung

Ngân sách Trung ương: 1.037.912 triệu đồng.

Tóm lại: Dự toán năm 2022 về cơ bản đảm bảo đủ cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, ổn định chính trị, an ninh trật tự, phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội,... trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành và các nội dung trình bày nêu trên, UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa X - kỳ họp thứ 5 xem xét, quyết định dự toán ngân sách năm 2022 như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước: 55.241.000 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách địa phương: 23.556.345 triệu đồng.

- Dự toán chi ngân sách địa phương: 23.556.345 triệu đồng.

+ Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh: 11.257.351 triệu đồng.

Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 5.147.808 triệu đồng.

Chi thường xuyên: 4.844.621 triệu đồng.

+ Dự toán chi ngân sách cấp huyện, xã: 12.298.994 triệu đồng.

Trong đó:

<i>Chi đầu tư phát triển:</i>	3.395.500 triệu đồng.
<i>Chi thường xuyên:</i>	8.656.394 triệu đồng.
- Bổ sung ngân sách cấp huyện, xã:	7.563.587 triệu đồng.
<i>(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)</i>	

7. Các giải pháp tổ chức thực hiện dự toán ngân sách:

7.1. Các giải pháp thu ngân sách nhà nước

- Triển khai và tổ chức giao dự toán thu ngân sách năm 2022 cho các huyện và thành phố để chủ động tập trung chỉ đạo đơn đốc thu, tăng cường khai thác nguồn thu ngay từ đầu năm. Trên cơ sở đó, các địa phương tập trung đánh giá tình hình thu ngân sách của các địa phương để giao chỉ tiêu phần đầu tăng thu phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính tích cực trong công tác thu ngân sách và tăng khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

- Tập trung quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế; giảm tỷ lệ nợ thuế; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; cải cách, hiện đại hóa hệ thống cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

- Tập trung thực hiện công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đơn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định; chỉ đạo người đại diện phần vốn Nhà nước đơn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước số thu cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Triển khai các giải pháp để tập trung khai thác nguồn thu theo chiều sâu, thực hiện ủy nhiệm thu thuế cho các bưu điện đối với hộ kinh doanh khoán thuế, thực hiện lập bộ thuế hộ kinh doanh nộp thuế khoán trên chương trình quản lý của ngành thuế,...

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, từ đó tổ chức thu kịp thời các khoản phải nộp ngân sách theo các chính sách hiện hành và chính sách mới sẽ có hiệu lực thi hành trong năm 2022. Đánh giá những tác động đến số thu ngân sách do thực hiện các Luật thuế mới được ban hành và có hiệu lực

trong năm 2022 để kịp thời có giải pháp quản lý và khai thác nguồn thu phù hợp.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý thuế tiên tiến, hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật thuế để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác chấp hành.

- Định kỳ đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, dịch vụ và thực hiện hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường.

7.2. Các giải pháp chi ngân sách địa phương:

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả.

- Phân bổ chi thường xuyên ưu tiên đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, bố trí dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ bằng hoặc cao hơn dự toán Trung ương giao. Phân bổ chi sự nghiệp kinh tế ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ kết thiết thị chính của các độ thị lớn, duy trì các tiêu chí về nông thôn mới, đảm bảo vốn thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước các cấp tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu đã quy định.

- Thực hiện rà soát và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, xác định lại nguồn thu trên cơ sở các mức giá, phí mới để tính mức hỗ trợ từ ngân sách cho phù hợp. Kiểm soát việc sử dụng nguồn thu sự nghiệp được để lại theo đúng quy định hiện hành.

7.3. Giải pháp điều hành ngân sách:

- Các cấp ngân sách thực hiện chi trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán được giao, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán và ứng vốn, trừ trường hợp thật sự cần thiết, cấp bách và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Rà soát các đề án, chính sách để lồng ghép các nhiệm vụ chi, giảm bớt sự trùng lặp chồng chéo. Sắp xếp nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

- Kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết về định mức phân bổ chi thường xuyên và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 đã được HĐND tỉnh được thông qua tại kỳ họp.

- Rà soát, tập trung các nguồn lực ngân sách của địa phương ngay từ đầu năm để cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách, trường hợp cần thiết phải ban hành yêu cầu phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi, trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND các huyện, thành phố căn cứ vào số thực thu từ nguồn này vào ngân sách thì mới bố trí vốn cho dự án, tránh tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và mất cân đối ngân sách.

UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa X - kỳ họp thứ 5 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, KTNS, THNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022	SO SÁNH %		
		DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		UTH 2021/ DTĐN 2021	DT 2022/ DTĐN 2021	DT 2022/ UTH 2021
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	47.184.700	62.366.787	55.241.000	132%	117%	89%
I	Thu nội địa	33.934.700	44.766.787	38.741.000	132%	114%	87%
	<i>(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết)</i>	<i>30.314.700</i>	<i>38.316.432</i>	<i>34.641.000</i>	<i>126%</i>	<i>114%</i>	<i>90%</i>
1	Thu từ các DNNN Trung Ương	2.050.000	1.759.509	1.900.000	86%	93%	108%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.152.000	904.254	1.034.000	78%	90%	114%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0	0	0			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.000	626.494	660.000	94%	100%	105%
-	Thuế tài nguyên	235.000	228.761	206.000	97%	88%	90%
2	Thu từ các DNNN Địa phương	2.050.000	2.056.864	2.200.000	100%	107%	107%
-	Thuế giá trị gia tăng	751.000	625.523	680.000	83%	91%	109%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	726.000	791.624	865.000	109%	119%	109%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.000	540.510	550.000	113%	115%	102%
-	Thuế tài nguyên	93.000	99.207	105.000	107%	113%	106%
3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	10.800.000	14.981.622	13.698.000	139%	127%	91%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.200.000	2.808.181	4.729.000	88%	148%	168%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	450.000	405.815	552.500	90%	123%	136%
	<i>Thu từ hàng hóa dịch vụ nhập khẩu bán ra trong nước</i>	<i>259.000</i>	<i>320.000</i>	<i>350.000</i>	<i>124%</i>	<i>135%</i>	<i>109%</i>
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.145.000	11.759.523	8.408.000	165%	118%	71%
-	Thuế tài nguyên	5.000	8.103	8.500	162%	170%	105%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	4.950.000	8.561.775	5.500.000	173%	111%	64%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.263.000	2.923.754	2.685.000	90%	82%	92%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	32.000	19.270	32.000	60%	100%	166%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.550.000	5.488.450	2.630.000	354%	170%	48%
-	Thuế tài nguyên	105.000	130.301	153.000	124%	146%	117%
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.400.000	6.320.883	6.500.000	117%	120%	103%
6	Lệ phí trước bạ	1.300.000	1.198.720	1.200.000	92%	92%	100%
7	Thuế bảo vệ môi trường	825.000	712.406	900.000	86%	109%	126%
-	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	518.000	433.467	468.000	84%	90%	108%
-	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	307.000	278.939	432.000	91%	141%	155%
8	Thu phí, lệ phí	586.700	392.898	500.000	67%	85%	127%
-	Phí lệ phí trung ương	193.700	100.898	115.000	52%	59%	114%
-	Phí lệ phí địa phương. Trong đó:	393.000	292.000	385.000	74%	98%	132%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		376	0			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	62.000	50.587	62.000	82%	100%	123%

STT	Nội dung các khoản thu	NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022	SO SÁNH %		
		DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		UTH 2021/ DTĐN 2021	DT 2022/ DTĐN 2021	DT 2022/ UTH 2021
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2
11	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.000.000	1.080.562	1.100.000	108%	110%	102%
12	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000	4.651.734	2.500.000	233%	125%	54%
13	Thu hoa lợi công sản	1.000	500	1.000	50%	100%	200%
14	Thu khác ngân sách	800.000	472.141	550.000	59%	69%	116%
	Trong đó:						
-	Phạt VPHC do cơ quan trung ương thực hiện	300.000	184.000	200.000	61%	67%	109%
15	Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN		0	0			
16	Thu từ thu nhập sau thuế	350.000	580.281	380.000	166%	109%	65%
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	140.000	147.308	150.000	105%	107%	102%
-	Trung ương	8.000	57.308	60.000	716%	750%	105%
-	Địa phương	132.000	90.000	90.000	68%	68%	100%
18	Thu xổ số kiến thiết	1.620.000	1.798.621	1.600.000	111%	99%	89%
-	Thuế giá trị gia tăng	450.000	312.000	450.000			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.000	135.000	160.000			
-	Thu từ thu nhập sau thuế	510.000	931.621	490.000			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	500.000	420.000	500.000			
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	13.250.000	17.600.000	16.500.000	133%	125%	94%
-	Thuế xuất khẩu	88.000	120.000	96.100	136%	109%	
-	Thuế nhập khẩu	1.640.000	2.000.000	1.960.800	122%	120%	98%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.000	12.000	1.000	100%	8%	8%
-	Thuế bảo vệ môi trường	60.000	120.000	97.100	200%	162%	81%
-	Thuế giá trị gia tăng	11.450.000	15.348.000	14.345.000	134%	125%	93%
	** TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	28.709.234	35.855.062	23.556.345	125%	82%	66%
A	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	28.703.834	35.849.662	23.556.345	125%	82%	66%
1	Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	19.482.600	26.106.500	21.257.259	134%	109%	81%
-	Các khoản thu 100%	7.796.000	10.497.894	8.140.500	135%	104%	78%
-	Thu phân chia theo tỷ lệ %	11.686.600	15.608.606	13.116.759	134%	112%	84%
2	Nguồn cải cách tiền lương	1.406.628	1.411.395				
3	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	5.614.606	5.647.924	1.178.878	101%	21%	
a	Vốn đầu tư để thực hiện các dự án nhiệm vụ	5.163.983	5.163.983	1.037.912	100%	20%	20%
b	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ theo quy định	211.576	211.576	140.966	100%	67%	67%
c	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	239.047	239.047		100%	0%	0%
d	Kinh phí trợ cấp một lần theo quy định tại Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ		54				0%
e	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1) và đợt (2)		33.264				0%
4	Nguồn thu tiền sử dụng đất các năm trước	2.200.000	2.274.498	1.100.000	103%	50%	48%
5	Thu chuyển nguồn		251.442				0%
6	Thu kết dư		157.903	20.208			
B	Bội chi	5.400	5.400		100%	0%	0%

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	NĂM 2021		NĂM 2022			SO SÁI	
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	TỔNG CỘNG	KHỐI TÌNH	KHỐI HUYỆN	NĂM 2021	
							DT ĐN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3	4	5	4=2/1	5=2/CK
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	23.545.251	22.733.675	22.518.433	10.219.439	12.298.994	97%	104%
I	Chi đầu tư phát triển:	9.071.600	8.159.580	8.543.308	5.147.808	3.395.500	90%	111%
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	3.246.200	2.921.580	3.255.308	2.113.308	1.142.000	90%	104%
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.200.000	3.780.000	3.578.000	2.378.000	1.200.000	90%	122%
	Trong đó:							
-	Từ nguồn thu được hưởng theo tỷ lệ			2.000.000	800.000	1.200.000		
-	Từ nguồn thu tại ngân sách tỉnh			500.000	500.000			
-	Nguồn thu đầu giá tiền sử dụng đất 100 tỷ (Phân bổ 98% từ số thu ngân sách địa phương, 2% dự phòng ngân sách)			1.078.000	1.078.000			
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.620.000	1.458.000	1.600.000	546.500	1.053.500	90%	104%
4	Bội chi ngân sách	5.400			-		0%	
5	Chi đầu tư phát triển khác	-		110.000	110.000			
II	Chi thường xuyên. Trong đó	13.865.490	13.861.167	13.501.015	4.844.621	8.656.394	100%	104%
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	691.664	766.000	750.007	196.927	553.080	111%	112%
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.448.312	5.405.000	5.467.592	1.296.539	4.171.053	99%	109%
3	Chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình	1.228.724	1.224.000	1.117.172	950.141	167.031	100%	97%
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	114.231	50.000	117.138	117.138		44%	94%
5	Chi sự nghiệp văn hóa	139.681	154.000	158.654	98.968	59.686	110%	78%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	161.091	140.000	196.849	165.198	31.651	87%	103%
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	25.273	40.000	40.622	9.746	30.876	158%	147%
8	Chi đảm bảo xã hội	1.012.515	1.400.000	922.389	324.259	598.130	138%	153%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.743.877	1.395.000	1.661.716	772.499	889.217	80%	70%
10	Sự nghiệp quản lý môi trường	810.994	648.000	762.601	104.423	658.178	80%	113%
11	Chi quản lý hành chính	2.149.961	2.300.000	2.099.836	769.709	1.330.127	107%	103%
12	Chi khác ngân sách	339.167	339.167	206.439	39.074	167.365	100%	112%
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	149.051	153.818	0		0	103%	14%
IV	Dự phòng ngân sách	450.000	550.000	471.200	224.100	247.100	122%	
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	2.910	2.910		100%	100%
VI	Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT	6.200	6.200		0		100%	
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	5.163.983	4.647.585	1.037.912	1.037.912	0	90%	104%
-	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.163.983	4.647.585	1.037.912	1.037.912		90%	104%
	TỔNG CỘNG (A+B)	28.709.234	27.381.260	23.556.345	11.257.351	12.298.994	95%	104%

Phụ lục 02

[tính: Triệu đồng

NH %	
NĂM 2022	
DTĐN 2021	UTH 2021
6=3/1	7=3/2
96%	99%
94%	105%
100%	111%
85%	95%
99%	110%
0%	
97%	97%
108%	98%
100%	101%
91%	91%
103%	234%
114%	103%
122%	141%
161%	102%
91%	66%
95%	119%
94%	118%
98%	91%
61%	61%
0%	0%
105%	86%
100%	100%
0%	0%
20%	22%
20%	22%
82%	86%

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
1	2	3
	CHI THƯỜNG XUYÊN	4.844.621
I	CHI QUỐC PHÒNG	126.712
-	Bộ chỉ huy QS tỉnh	126.712
-	Dự phòng	-
II	CHI AN NINH	70.215
-	Công an tỉnh	35.215
-	Dự phòng	35.000
III	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	1.296.539
1	Chi sự nghiệp giáo dục	975.932
-	Sở Giáo dục và đào tạo	708.377
-	Đại học Đồng Nai	3.969
-	Dự phòng	263.586
2	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	320.607
-	Đại học Đồng Nai	44.121
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	30.630
-	Trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai	39.860
-	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	18.474
-	Trường Chính trị Đồng Nai	32.500
-	Sở Lao động TB&XH	56.043
-	Sở Nội vụ	6.615
-	Sở Khoa học Công nghệ	1.550
-	Sở Y tế	6.000
-	Sở Ngoại vụ	1.570
-	Bộ chỉ huy QS tỉnh	9.157
-	Công an tỉnh	645
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	55.842
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	17.600
IV	CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	9.746
	Đài phát thanh Truyền hình Đồng Nai	9.746
V	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	117.138
-	Sở Khoa học công nghệ	75.220
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	26.889
-	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật	7.131
-	Dự phòng các nhiệm vụ khoa học công nghệ đặc thù địa phương	7.898
VI	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	950.141
-	Sở Y tế	762.202
-	Bảo hiểm Y tế	185.464
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.475
-	Dự phòng	-
VII	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	98.968
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	67.087
-	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa	12.578

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
-	Tỉnh đoàn	3.900
-	Văn phòng UBND tỉnh	12.265
-	Liên đoàn Lao động tỉnh	638
-	Nhà xuất bản Đồng Nai	2.500
VIII	CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO	165.198
1	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	165.198
IX	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	104.423
	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa	12.598
	BQL Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai	4.366
	Sở Tài nguyên môi trường	77.329
	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	100
	Sở Công Thương	2.904
	BQL các khu công nghiệp Đồng Nai	5.226
	Công an tỉnh	1.900
X	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	772.499
1	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	203.862
a	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	87.690
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	38.903
-	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa	48.787
b	Chi sự nghiệp nông nghiệp	94.687
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	94.687
c	Sự nghiệp thủy lợi	21.485
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	14.485
-	Công ty khai thác công trình thủy lợi	7.000
2	Chi sự nghiệp công thương	37.281
-	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	26.387
-	Trung tâm Xúc tiến thương mại	9.864
-	Văn phòng Sở Công thương	1.030
3	Chi sự nghiệp giao thông	460.553
-	Sở Giao thông vận tải	420.553
-	Trợ giá xe buýt	40.000
4	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	18.934
-	Sở Tài nguyên & Môi trường	18.934
5	Chi sự nghiệp quy hoạch	-
-	Sở Xây dựng	-
-	Kinh phí quy hoạch cấp tỉnh, huyện	-
6	Chi sự nghiệp du lịch	7.376
	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	6.556
	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	820
7	Sự nghiệp kinh tế khác	42.493
-	Sở Thông tin Truyền Thông	41.511
-	Cục quản lý thị trường tỉnh	982
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.000
XI	CHI QUẢN LÝ HCNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	769.709
1	Chi QLNN	560.821
-	VP HĐND Tỉnh	17.544
-	VP UBND Tỉnh	41.110
-	Sở Thông tin và Truyền thông	6.419
-	Sở Nội vụ	54.468
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.460

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
-	Sở Khoa học công nghệ	8.541
-	Thanh tra nhà nước	10.436
-	Sở Công thương	19.677
-	Sở Tài nguyên và môi trường	19.449
-	Sở Tư pháp	14.080
-	Sở Nông nghiệp & PTNT	44.162
-	Sở Giao thông vận tải	159.740
-	Sở Y tế	13.286
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	9.293
-	Sở Xây dựng	21.880
-	Sở Tài chính	23.763
-	Sở Lao động TBXH	14.780
-	Ban Dân tộc	14.366
-	Sở Giáo dục - đào tạo	11.408
-	Sở Ngoại vụ	16.619
-	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	21.033
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	4.307
-	Dự phòng	-
2	Đảng	110.000
3	Hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	11.373
-	Hội chữ thập đỏ	4.290
-	Hội người mù	1.216
-	Hội Cựu Thanh niên xung phong	1.569
-	Hội Nạn nhân chất độc da cam/ Dioxin	1.527
-	Hội Người cao tuổi	1.135
-	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đày	1.636
4	Chi tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp	87.515
a	Chi tổ chức chính trị, xã hội	60.439
-	UBMT Tổ quốc	8.455
-	Tỉnh đoàn	20.847
-	Hội liên hiệp phụ nữ	8.559
-	Hội nông dân	8.204
-	Hội cựu chiến binh	4.648
-	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	9.726
b	Chi tổ chức nghề nghiệp	27.076
-	Hội nhà báo	1.073
-	Hội Văn học nghệ thuật	6.493
-	Liên minh HTX	6.389
-	Hội Luật gia	854
-	Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật	7.539
-	Hội khuyến học	2.326
-	Hội Sinh viên	2.402
XII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	324.259
-	Sở Lao động Thương binh Xã hội	224.259
-	Dự phòng	100.000
XIII	CÁC KHOẢN CHI KHÁC	8.420
-	Sở Tư pháp	5.682
-	Ban quản lý các KCN Đồng Nai □	910

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
-	Sở Kế hoạch đầu tư (TT tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp)	223
-	Kho bạc nhà nước tỉnh	1.605
XIV	CHI KHÁC	30.654

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐỊNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHON TRẠCH
	A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Nhiệm vụ thu NS cấp huyện, xã		7.933.320	3.162.350	478.800	760.700	207.000	199.450	89.020	393.500	382.100	279.200	1.254.000	727.200
*	Nhiệm vụ thu trừ tiền SD đất		5.933.320	2.572.350	343.800	580.700	147.000	129.450	63.020	273.500	349.100	213.200	694.000	567.200
1	Thuế công thương nghiệp, NQD		2.874.200	1.350.000	220.000	190.000	54.000	63.300	23.900	110.000	125.000	28.000	410.000	300.000
-	Thuế giá trị gia tăng	45%	2.276.200	1.083.000	121.800	153.900	38.900	60.200	21.700	84.300	104.800	24.600	344.200	238.800
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	45%	3.900	2.000	200	500	100	100	100	200	200	0	300	200
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	45%	531.500	245.000	68.000	35.300	12.500	2.500	2.000	19.000	19.000	3.200	65.000	60.000
-	Thuế tài nguyên	100%	62.600	20.000	30.000	300	2.500	500	100	6.500	1.000	200	500	1.000
2	Thuế thu nhập cá nhân	45%	1.359.500	450.000	66.000	115.000	60.000	33.000	16.500	63.000	93.000	102.000	171.000	190.000
3	Lệ phí trước bạ	100%	1.200.000	550.000	18.000	240.000	17.000	14.500	10.500	57.000	105.000	75.000	73.000	40.000
4	Thuế bảo vệ môi trường	45%	16.100	14.000	0	0	0	0	0	2.000	0	0	100	0
5	Thu phí, lệ phí. Trong đó:		173.200	65.000	24.000	12.000	6.000	6.500	4.700	15.000	9.000	4.000	15.000	12.000
-	Trong cân đối	100%	129.400	55.000	22.000	8.000	4.800	3.500	2.400	8.500	5.000	2.200	10.000	8.000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100%	62.000	45.350	2.800	2.500	950	700	300	2.500	1.000	200	2.700	3.000
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	100%	22.750	18.000	3.000	1.200	50	0	0	0	100	0	200	200
8	Thu tiền sử dụng đất	60%	2.000.000	590.000	135.000	180.000	60.000	70.000	26.000	120.000	33.000	66.000	560.000	160.000
9	Thu hoa lợi công sản	100%	570	0	0	0	0	450	120	0	0	0	0	0
10	Thu khác ngân sách. Trong đó:		225.000	80.000	10.000	20.000	9.000	11.000	7.000	24.000	16.000	4.000	22.000	22.000
-	Thu cân đối	100%	114.500	51.000	4.000	10.000	5.000	5.500	3.000	4.000	6.000	3.000	15.000	8.000
B	Thu cân đối ngân sách huyện (Không bao gồm tiền sử dụng đất)		3.476.060	1.546.650	195.000	399.115	80.475	68.260	34.555	154.325	215.750	139.010	362.670	280.250
-	Số thu Huyện hưởng 100%		1.591.820	739.350	79.800	262.000	30.300	25.150	16.420	78.500	118.100	80.600	101.400	60.200
-	Số thu Huyện hưởng theo tỷ lệ		1.884.240	807.300	115.200	137.115	50.175	43.110	18.135	75.825	97.650	58.410	261.270	220.050
C	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh		7.563.587	906.419	568.425	562.382	629.438	968.109	922.524	590.293	764.687	682.101	435.273	533.936
1	Bổ sung cân đối		6.420.087	799.693	426.958	489.507	537.053	822.960	803.500	515.511	683.947	578.281	361.616	401.061
2	Bổ sung có mục tiêu		1.143.500	106.726	141.467	72.875	92.385	145.149	119.024	74.782	80.740	103.820	73.657	132.875
-	Bổ sung đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		1.053.500	106.726	141.467	72.875	92.385	85.149	89.024	74.782	80.740	103.820	73.657	132.875
-	Bổ sung từ nguồn ngân sách tập trung của tỉnh		90.000	0	0	0	0	60.000	30.000	0	0	0	0	0
E	Thu từ nguồn tại đơn vị		59.347	26.210	2.513	4.190	3.659	980	2.573	6.110	1.200	1.665	5.240	5.007

STT	CHỈ TIÊU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐỊNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
	A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)		59.347	26.210	2.513	4.190	3.659	980	2.573	6.110	1.200	1.665	5.240	5.007
-	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)		0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
F	Tiền sử dụng đất ngân sách huyện được hưởng chưa tính vào cân đối ngân sách		1.200.000	354.000	81.000	108.000	36.000	42.000	15.600	72.000	19.800	39.600	336.000	96.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐỊNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHON TRẠCH
A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	12.298.994	2.833.279	846.938	1.073.687	749.572	1.079.349	975.252	822.728	1.001.437	862.376	1.139.183	915.193
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	9.955.494	2.372.553	624.471	892.812	621.187	892.200	840.628	675.946	900.897	718.956	729.526	686.318
I	Chi đầu tư phát triển:	1.052.000	149.305	92.169	80.862	79.873	105.679	113.513	84.719	96.767	85.807	82.444	80.862
1	Chi đầu tư XD CB tập trung	1.052.000	149.305	92.169	80.862	79.873	105.679	113.513	84.719	96.767	85.807	82.444	80.862
II	Chi thường xuyên	8.656.394	2.166.348	515.302	790.350	526.214	764.821	707.515	574.727	784.030	615.849	624.182	587.056
1	Chi sự nghiệp môi trường	658.178	335.205	30.580	43.865	21.924	34.978	18.830	33.568	21.712	16.584	52.329	48.603
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	4.171.053	922.229	240.603	387.104	265.477	410.446	377.400	255.072	453.936	314.219	284.865	259.702
3	Các sự nghiệp khác	3.827.163	908.914	244.119	359.381	238.813	319.397	311.285	286.087	308.382	285.046	286.988	278.751
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	0	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Dự phòng ngân sách	247.100	56.900	17.000	21.600	15.100	21.700	19.600	16.500	20.100	17.300	22.900	18.400
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN KHÁC	2.343.500	460.726	222.467	180.875	128.385	187.149	134.624	146.782	100.540	143.420	409.657	228.875
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (ngân sách huyện hưởng)	1.200.000	354.000	81.000	108.000	36.000	42.000	15.600	72.000	19.800	39.600	336.000	96.000
2	Bổ sung có mục tiêu nguồn NSTT	90.000	-	-	-	-	60.000	30.000	-	-	-	-	-
3	Chi đầu tư từ nguồn thu bổ sung xổ số kiến thiết	1.053.500	106.726	141.467	72.875	92.385	85.149	89.024	74.782	80.740	103.820	73.657	132.875

SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN VÀ THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)	Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, thành phố	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố		
							Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8
1	Thành phố Biên Hòa	2.572.350	1.546.650	26.210	0	2.372.553	906.419	799.693	106.726
2	Huyện Vĩnh Cửu	343.800	195.000	2.513	0	624.471	568.425	426.958	141.467
3	Huyện Trảng Bom	580.700	399.115	4.190	0	892.812	562.382	489.507	72.875
4	Huyện Thống Nhất	147.000	80.475	3.659	0	621.187	629.438	537.053	92.385
5	Huyện Định Quán	129.450	68.260	980	0	892.200	968.109	822.960	145.149
6	Huyện Tân Phú	63.020	34.555	2.573	0	840.628	922.524	803.500	119.024
7	Thành phố Long Khánh	273.500	154.325	6.110	0	675.946	590.293	515.511	74.782
8	Huyện Xuân Lộc	349.100	215.750	1.200	0	900.897	764.687	683.947	80.740
9	Huyện Cẩm Mỹ	213.200	139.010	1.665	0	718.956	682.101	578.281	103.820
10	Huyện Long Thành	694.000	362.670	5.240	0	729.526	435.273	361.616	73.657
11	Huyện Nhơn Trạch	567.200	280.250	5.007	0	686.318	533.936	401.061	132.875
TỔNG SỐ		5.933.320	3.476.060	59.347	0	9.955.494	7.563.587	6.420.087	1.143.500

Ghi chú:

- Dự toán thu, chi ngân sách huyện, thành phố (cột 1 và cột 7) chưa bao gồm: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện được hưởng và nguồn bổ sung có mục tiêu.